

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HS-PT

Ngày: 15/01/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Huấn.

Các Thẩm phán:

1. Ông Vũ Văn Lê

2. Ông Vũ Hoài Nam

Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Quốc Khánh, thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Khánh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15/01/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 548/2018/HSPT ngày 06/12/2018 đối với bị cáo Trương Mạnh H, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/QĐXXPT-HS ngày 02/01/2019, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án sơ thẩm số 85/2018/HS-ST ngày 12/10/2018 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Trương Mạnh H**; sinh năm 1950 tại tỉnh Kiên Giang; nơi đăng ký thường trú: 003, Lô B2, chung cư VH, Phường 3, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 238/6B đường LHP, Phường 15, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: (không); trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: (không); quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn T (chết) và bà Lâm Thị L (chết); hoàn cảnh gia đình: vợ tên Trương Kim Đ, có 2 con, con lớn sinh năm 1970, con nhỏ sinh năm 1982;

Tiền án, tiền sự: (không);

Nhân thân: Năm 1983, bị xử lý hành chính đưa đi cưỡng bức lao động 24 tháng về hành vi trộm cắp; năm 2004, bị xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục 24 tháng về hành vi trộm cắp.

Tạm giữ, tạm giam: (không);

Cấm đi khỏi nơi cư trú: 20/4/2018;

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng có liên quan đến kháng cáo:

Bị hại: Chị Đặng Thị T; sinh năm 1974; nơi cư trú: 146/9 đường Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 8 giờ 50 phút ngày 28/01/2018, Trương Mạnh H đến khu vực Căn tin của Nhà thờ Tân Định, tại địa chỉ 289 đường Hai Bà Trưng, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, H phát hiện chị Đặng Thị T đang đứng xếp hàng chờ lấy đồ ăn sáng, trên vai chị T có đeo 1 túi xách nhỏ. H liền đến đứng xếp hàng sau chị T và lén lút mở nắp túi xách của chị T và lấy trộm chiếc điện thoại để trong túi xách. Tuy nhiên, toàn bộ hành vi của H bị chị Phan Thị Linh N (là người dân đứng gần đó) phát hiện. Do vậy, khi H vừa bỏ chiếc điện thoại trộm cắp được vào túi quần của mình thì chị N chạy đến, giữ tay đang cầm điện thoại của H và tri hô. Sau đó, chị T và chị N nhờ nhân viên bảo vệ của Nhà thờ Tân Định đưa H đến Công an Phường 8, Quận 3.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 23/KL-HĐĐGTS-TTHS ngày 31/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 3 kết luận chiếc điện thoại mà H chiếm đoạt của chị T có trị giá 25.500.000đ.

Trong quá trình điều tra, bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội. Bị cáo khai rằng đã nhặt được chiếc điện thoại ở dưới đất.

Tại bản cáo trạng số 76/CT-VKS ngày 23/8/2018, Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 đã truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, đã sửa đổi bổ sung năm 2017 (Bộ luật hình sự năm 2015).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 85/2018/HS-ST ngày 12/10/2018 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h và i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015,

Tuyên bố bị cáo Trương Mạnh H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trương Mạnh H 9 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của bị cáo và bị hại.

Ngày 15/10/2018, bị cáo có đơn kháng cáo với nội dung: Khi đi nhà thờ mua giày dép, bị cáo đã lượm được chiếc điện thoại. Vì nổi lòng tham, bị cáo đã lấy điện thoại bỏ vào túi thì bị bắt. Bị cáo đã tuổi cao, sức yếu. Tòa án nhân dân Quận 3 xử phạt bị cáo 9 tháng tù giam là quá nặng, kính mong Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo thừa nhận hành vi trộm cắp chiếc điện thoại của chị T như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu. Đồng thời, bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo, cụ thể như sau: Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, vì xấu hổ và sợ làm ảnh hưởng xấu đến vợ con nên bị cáo đã khai không đúng sự thật. Trong thời gian đã qua, bị cáo suy nghĩ lại và nhận thức được hành vi của mình là sai trái, bị cáo xin nhận tội. Bị cáo đã lớn tuổi, kính xin Hội đồng xét xử khoan hồng, xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Mặc dù ở tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo không nhận tội. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm phạm tội. Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt bị cáo 9 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không nêu được tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do vậy, đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của kiểm sát viên và bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Trong quá trình điều tra, truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2]. Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ lời khai của người làm chứng, lời khai của bị hại, căn cứ vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác, có căn cứ để xác định rằng: Vào khoảng 8 giờ 50 phút ngày 28/01/2018, ở tại khu vực Căn tin của Nhà thờ Tân Định, tại địa chỉ 289 đường Hai Bà Trưng, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Trương

Mạnh H đã có hành vi lén lút lấy trộm của chị Đặng Thị T chiếc điện thoại có trị giá 25.500.000đ. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự công cộng. Bị cáo nhận thức được việc làm của mình là sai trái, bị luật pháp nghiêm cấm, nhưng vì động cơ tư lợi nên bị cáo vẫn cố ý vi phạm. Đối chiếu với quy định của pháp luật, có đủ cơ sở kết luận bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo theo tội danh, điều luật như đã nêu là đúng pháp luật.

[3]. Về nội dung kháng cáo của bị cáo:

Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản trộm cắp đã được thu hồi giao trả cho bị hại, thiệt hại chưa xảy ra. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm h và i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo và xử phạt bị cáo 9 tháng tù là có căn cứ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội, nên Tòa án cấp sơ thẩm không cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51, đồng thời không cho bị cáo được hưởng án treo là đúng pháp luật.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã thành khẩn khai báo, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, thể hiện sự ăn năn hối cải (đây là tình tiết mới phát sinh); bị cáo là người già (69 tuổi). Do vậy, cần áp dụng thêm, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Bị cáo là người đã lớn tuổi, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên không nhất thiết phải bắt chấp hành hình phạt tù; việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Bị cáo đã 2 lần bị xử lý hành chính vào các năm 1983 và 2004. Tuy nhiên, thời gian được coi là chưa bị xử lý hành chính tính đến thời điểm phạm tội lần này đã quá 30 năm (đối với lần xử lý thứ nhất) và quá 9 năm (đối với lần xử lý thứ 2). Do vậy, không thuộc trường hợp cấm cho hưởng án treo theo quy định Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Vì các lý do đã nêu, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, áp dụng khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự, cho bị cáo được hưởng án treo.

[4]. Kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

1.Chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 85/2018/HS-ST ngày 12/10/2018 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Tuyên bố bị cáo **Trương Mạnh H** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo **Trương Mạnh H** 9 (chín) tháng tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 1 (một) năm 6 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân Phường 3, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 2 lần trở lên thì Tòa án có thẩm quyền có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này.

2.Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3.Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo)./.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM (1)
- VKSND TP. HCM; (3)
- VKSND Quận 3; (1)
- PC53 - CATP; (1)
- Bị cáo; (1)
- Đường sự: (1)
- Chi Cục Quận 3; (1)
- TAND Quận 3; (2)
- Công an Quận 3; (1)
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: THS, hồ sơ, VT (22). (4)

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Công Huân